

Thực trạng hoạt động giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long

Dương Minh Quang*, Bạch Thị Ngọc Dung, Lý Bình Nhung, Tạ Thị Thanh Thủy



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Việt Nam là quốc gia có sự đa dạng sâu sắc về ngôn ngữ và thành phần dân tộc, tạo nền tảng thuận lợi cho việc triển khai các mô hình giáo dục song ngữ theo xu hướng quốc tế nhằm thúc đẩy bình đẳng, hòa nhập và phát triển giáo dục bền vững. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này tập trung khảo sát thực trạng giáo dục song ngữ Khmer – Việt dành cho học sinh tiểu học người Khmer tại ba tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp khảo sát 139 giáo viên đang trực tiếp giảng dạy chương trình song ngữ với phỏng vấn sâu 3 giáo viên có kinh nghiệm nhằm bổ sung góc nhìn định tính về quá trình thực hiện. Kết quả phân tích cho thấy các thành tố của hoạt động giáo dục song ngữ đều đạt mức trung bình khoảng 4,0 trên thang đo Likert 5 mức độ, phản ánh mức độ đồng thuận và đánh giá tích cực của đội ngũ giáo viên. Trong đó, mục tiêu và nội dung chương trình được xếp ở mức “đồng ý”, thể hiện sự thống nhất tương đối cao về định hướng và ý nghĩa của giáo dục song ngữ đối với học sinh Khmer. Đồng thời, phương pháp dạy học và hình thức đánh giá được ghi nhận ở mức “thường xuyên”, cho thấy giáo viên triển khai khá đều đặn các hoạt động dạy học và kiểm tra – đánh giá phù hợp với yêu cầu của mô hình. Từ các phát hiện này, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả triển khai chương trình, bao gồm tăng cường bồi dưỡng năng lực cho giáo viên, phát triển hệ thống học liệu phù hợp với đặc thù văn hóa – ngôn ngữ, mở rộng sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng, đồng thời xây dựng cơ chế giám sát và hỗ trợ thường xuyên để bảo đảm tính bền vững của giáo dục song ngữ Khmer – Việt tại địa phương.

Từ khoá: Hoạt động giáo dục song ngữ, tiếng Khmer – Việt, học sinh người dân tộc, giáo dục tiểu học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Dương Minh Quang, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: duongminhquang@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 09-05-2025
- Ngày sửa đổi: 02-12-2025
- Ngày chấp nhận: 25-05-2026
- Ngày đăng: 24-09-2026

DOI: <https://www.doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1184>



Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG-HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục song ngữ là mô hình đã được nhiều quốc gia có đặc điểm đa ngôn ngữ và đa dân tộc triển khai trong hơn nửa thế kỷ qua. Mặc dù được xem là một hướng tiếp cận hiệu quả trong việc hỗ trợ học sinh phát triển năng lực ngôn ngữ và hội nhập xã hội, mô hình này vẫn còn gây nhiều tranh luận, đặc biệt liên quan đến mức độ phù hợp đối với các nhóm học sinh khác nhau¹. Tuy vậy, giáo dục song ngữ vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy giao tiếp, tăng cường sự thấu hiểu giữa các cộng đồng, nhất là trong bối cảnh hơn 50% dân số thế giới sử dụng từ hai ngôn ngữ trở lên². Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ giữa các tộc người đang sinh sống trên cùng một lãnh thổ; do đó, vấn đề song ngữ chủ yếu là ngôn ngữ tiếng Việt và ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số luôn tồn tại song song với nhau. Bên cạnh việc xác lập tiếng Việt thành ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc, Chính phủ Việt Nam cũng khuyến khích các dân tộc thiểu số sử dụng tiếng nói chữ viết của mình để bảo

tồn và phát triển văn hóa dân tộc, điều này đã tạo môi trường cho giáo dục song ngữ tại Việt Nam phát triển. Theo thông tư 34/2020/TT-BGDĐT, kể từ năm 2021 có 08 ngôn ngữ được lựa chọn đưa vào giảng dạy từ lớp 1 đến lớp 12, bao gồm các ngôn ngữ: Hmông, Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Chăm, Thái, Mnông và Khmer. Giáo dục tiếng mẹ đẻ đối với người dân tộc thiểu số ở Việt Nam đã được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm giáo dục trong trường phổ thông, giáo dục trong các cơ sở giáo dục thường xuyên và giáo dục trong cộng đồng³. Hiện nay, Việt Nam đang có hai loại hình giáo dục song ngữ tồn tại gồm: 1) giáo dục song ngữ tiếng Việt – tiếng Dân tộc, và 2) giáo dục song ngữ tiếng Việt – tiếng nước ngoài⁴. Việc duy trì và phát triển bền vững các chính sách giáo dục song ngữ trong các cơ sở giáo dục đóng vai trò rất quan trọng để hiện thực hóa từ chính sách đến thực tiễn triển khai. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập trong việc triển khai. Trong phạm vi bài viết này, nhóm nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng hoạt động giáo dục song

Trích dẫn bài báo này: Quang D M, Dung B T N, Nhung L B, Thủy T T T. **Thực trạng hoạt động giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long.** VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit. 2026;10(3):3917-3925.

ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh người dân tộc Khmer ở một số trường tiểu học tại 03 tỉnh An Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh^a của Đồng bằng sông Cửu Long theo cách tiếp cận các thành tố của hoạt động như mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá hoạt động giáo dục song ngữ này.

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Một số cơ sở lý luận về hoạt động giáo dục song ngữ cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số người Khmer

Paulston cho rằng giáo dục song ngữ là quá trình người dạy sử dụng 02 ngôn ngữ làm phương tiện giảng dạy cho cùng một nhóm học sinh trong một chương trình được tổ chức gồm một phần hoặc toàn bộ chương trình⁵. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu nhận thấy khái niệm cho vấn đề nghiên cứu trong bài viết về hoạt động giáo dục song ngữ cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số (người Khmer) là quá trình tương tác giữa giáo viên và học sinh trong việc sử dụng tiếng thiểu số (tiếng Khmer) và tiếng đa số (tiếng Việt) trong giảng dạy cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 thông qua các thành tố hoạt động dạy học để đạt mục tiêu giáo dục song ngữ.

Về mục tiêu giáo dục song ngữ cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số người Khmer, các nghiên cứu cho thấy có nhiều mục tiêu giáo dục song ngữ cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số như nghiên cứu của Baker chỉ ra mục tiêu của giáo dục song ngữ bao gồm tạo nên sự thống nhất trong xã hội đa ngôn ngữ, cho phép học sinh giao tiếp với thế giới xung quanh, phát triển kỹ năng ngôn ngữ, đồng thời hiểu sâu hơn về ngôn ngữ và văn hóa⁶. Ngoài ra, việc hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu; góp phần giúp học sinh hình thành và phát triển kỹ năng sử dụng tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Khmer); ào tón và phát triển vốn ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Khmer); duy trì bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số cũng là những mục tiêu của hoạt động giáo dục song ngữ cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số Việt Nam nói chung và tiếng Khmer nói riêng^{3,7}.

Về nội dung giáo dục song ngữ cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số người Khmer, Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ ra nội dung chương trình được thiết kế theo các mạch chính tương ứng với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết giữa tiếng Khmer và tiếng Việt cũng như các môn học khác trong chương trình giáo dục song

ngữ. Kiến thức tiếng Khmer được tích hợp trong quá trình dạy học nghe, nói, đọc, viết³. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh ở mỗi trình độ nhằm giúp học sinh sử dụng tiếng Khmer thành thạo để giao tiếp trong cuộc sống. Chương trình môn tiếng Khmer dạy học trong cấp tiểu học gồm trình độ A1 (từ lớp 1 đến lớp 3) tập trung vào giảng dạy kiến thức tiếng Khmer, từ vựng và ngữ pháp trình độ A2 (từ lớp 4 đến lớp 5) tập trung vào giảng dạy kiến thức tiếng Khmer, từ vựng, ngữ pháp và tập làm văn.

Về phương pháp giáo dục song ngữ cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số người Khmer, việc giảng dạy chương trình giáo dục song ngữ cần vận dụng các phương pháp giáo dục theo định hướng chung là phương pháp dạy tiếng mẹ đẻ, đa dạng hóa các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng³. Các phương pháp được vận dụng một cách linh hoạt trong mỗi bài học, mỗi tiết dạy nhằm khơi dậy hứng thú học tập cho học sinh, mang lại hiệu quả thiết thực như phương pháp chuyển mã, hương pháp hòa mã, đan xen mã, hương pháp vay mượn, hương pháp sao phỏng, hương pháp giao thoa, hương pháp kể truyền dân gian...

Về hình thức đánh giá giáo dục song ngữ cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số người Khmer, Bộ Giáo dục và Đào tạo nêu rõ việc đánh giá kết quả giáo dục môn tiếng Khmer – tiếng Việt nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học³. Thực hiện bằng phương thức đánh giá thường xuyên và định kì; trong đó, đánh giá thường xuyên được tiến hành liên tục trong suốt quá trình dạy học, trong từng bài học, từng chương, phần do giáo viên tổ chức và cuối học kì có tổ chức kiểm tra đánh giá định kì³. Ngoài ra, còn có các hình thức khác đánh giá giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học như giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá lẫn nhau, học sinh tự đánh giá, đánh giá thông qua quan sát, đánh giá thông qua lắng nghe, chia sẻ của học sinh...

Mẫu và phương pháp nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất có chủ đích để tiến hành khảo sát 139 giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy chương trình giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại 03 tỉnh Đồng bằng sông

^aSau ngày 1/7/2025, tỉnh An Giang (gồm tỉnh An Giang và Kiên Giang), tỉnh Sóc Trăng thuộc Thành phố Cần Thơ và tỉnh Trà Vinh thuộc tỉnh Vĩnh Long.

Cầu Long bao gồm An Giang (Huyện Tri Tôn và Tịnh Biên) với 70 giáo viên, Trà Vinh (Huyện Châu Thành và Trà Cú) với 45 giáo viên và Sóc Trăng (Huyện Trần Đề và Thị xã Vĩnh Châu) với 24 giáo viên – nơi có đông người dân tộc Khmer sinh sống. Trong 139 giáo viên, có 75 giáo viên nam chiếm 54% và 64 giáo viên nữ chiếm 46%. Những giáo viên tham gia trong nghiên cứu này có những thâm niên khác nhau, dưới 01 năm chiếm 2.2%, từ 01 đến dưới 05 năm chiếm 7.9%, từ 05 đến dưới 10 năm chiếm 5.0%, và từ 10 đến dưới 15 năm, 15 đến dưới 20 năm, trên 20 năm lần lượt là 16.5%, 16.5% và 51.8%. Đối với trình độ chuyên môn, có 01 giáo viên có trình độ thạc sĩ (0.7%), cử nhân có 123 giáo viên (88.5%), cao đẳng có 09 giáo viên (6.5%) và còn lại 4.3% giáo viên có trình độ trung cấp.

Ngoài ra, nhóm tác giả đã phỏng vấn bán cấu trúc 03/139 giáo viên để làm rõ một số nội dung về giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại 03 tỉnh này và các đối tượng tham gia được nhóm nghiên cứu mã hóa từ GV 01 đến 03.

Quá trình thu thập dữ liệu

Nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn và xử lý dữ liệu để tổng hợp, phân tích các cơ sở lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu này.

Đối với phiếu khảo sát bằng bảng hỏi: tác giả đã sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất có chủ đích với 139 giáo viên tham gia giảng dạy chương trình giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại 03 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long để tiến hành phát phiếu khảo sát trực tuyến được thiết kế dạng Google form. Trước khi tiến hành phát phiếu khảo sát cho các giáo viên, nhóm nghiên cứu luôn thông tin rõ ràng về mục đích, yêu cầu và cách trả lời nghiên cứu. Thời gian khảo sát trong tuần đầu tháng 5/2025.

Đối với phỏng vấn: nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc 03 giáo viên – những người từng tham gia trả lời phiếu khảo sát trước đó. Thời gian thực hiện phỏng vấn các giáo viên trong tuần thứ 2 tháng 5/2025 sau khi tác giả xử lý các kết quả nghiên cứu từ phiếu khảo sát thu về.

Quy ước thang đo

Nghiên cứu này đã sử dụng thang đo 5 mức độ Likert với các giá trị 1 = “Hoàn toàn không đồng ý”, 2 = “Không đồng ý”, 3 = “Phân vân”, 4 = “Đồng ý”, và 5 = “Hoàn toàn đồng ý” để tính mức độ đồng ý trong thành tố mục tiêu và nội dung giáo dục song ngữ tiếng

Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer. Đối với thành tố phương pháp và hình thức đánh giá nhóm nghiên cứu sử dụng thang đo “thường xuyên”, cụ thể mức 1 = “Không bao giờ”, 2 = “Hiếm khi”, 3 = “Thỉnh thoảng”, 4 = “Thường xuyên”, và 5 = “Rất thường xuyên”. Điểm trung bình cộng tối đa $\bar{X} = 5.00$ và tối thiểu $\bar{X} = 1.00$. Do đó, để thuận tiện cho việc đánh giá, phân tích số liệu hợp lý và khoa học, các thông tin thu thập từ phiếu khảo sát thực trạng được quy ước dựa vào giá trị trung bình trong thang đo Likert 5 với mức giá trị khoảng cách = (Maximum – Minimum)/n = (5-1)/5 = 0,8 nên các giá trị trung bình trong thang đo được quy ước theo bảng 1 dưới đây:

Phương pháp phân tích dữ liệu

Đối với tất cả dữ liệu khảo sát từ bảng hỏi, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê toán học bằng phần mềm SPSS để phân tích các chỉ số thống kê như tần số, tỷ lệ, trị trung bình ($\bar{X}$), độ lệch chuẩn (ĐLC). Đối với dữ liệu thu được từ phỏng vấn, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nội dung và đối chiếu để bổ sung, làm sáng tỏ vấn đề cho các dữ liệu định lượng.

Kết quả nghiên cứu thực tiễn và thảo luận

Kết quả nghiên cứu về mục tiêu giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long

Kết quả Bảng 2 cho thấy giáo viên đánh giá mục tiêu giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long ở mức đồng ý với $\bar{X} = 4.08$ (ĐLC = 0.763) - tương đương mức 4 trong thang đo Likert 5 mức độ; trong đó, 02 mục tiêu duy trì bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số Khmer và thúc đẩy ngôn ngữ thiểu số trong một xã hội đa dạng về ngôn ngữ được đánh giá với giá trị trung bình cao nhất với $\bar{X} = 4.09$ (ĐLC lần lượt là 0.785 và 0.770), tiếp theo là 03 mục tiêu cùng giá trị trung bình với $\bar{X} = 4.08$ là nâng cao chất lượng học tập của học sinh dân tộc thiểu số Khmer, giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất và thúc đẩy cả ngôn ngữ đa số và ngôn ngữ thiểu số trong một xã hội đa dạng về ngôn ngữ (ĐLC lần lượt là 0.790, 0.826 và 0.781) và cuối cùng 02 mục tiêu có chung giá trị $\bar{X} = 4.06$ và ĐLC = 0.827 là mục tiêu bảo tồn và phát triển vốn ngôn ngữ tiếng Khmer và hoàn thành mục tiêu giáo dục phổ cập quốc gia.

Kết quả phỏng vấn cũng khẳng định rằng giáo viên nhận thấy có nhiều mục tiêu đặt ra trong việc giảng dạy chương trình giáo dục song ngữ này như đáp ứng

Bảng 1: Quy ước giá trị thang đo [Nguồn: nhóm tác giả]

Điểm trung bình	$1.0 \leq \bar{X} \leq 1.8$	$1.8 \leq \bar{X} \leq 2.60$	$2.6 \leq \bar{X} \leq 3.40$	$3.4 \leq \bar{X} \leq 4.20$	$4.2 \leq \bar{X} \leq 5.0$
Mức độ đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Mức độ thực hiện	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên

mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông 2018, phổ cập giáo dục tiểu học cho học sinh dân tộc thiểu số người Khmer, học sinh tự tin trong giao tiếp cộng đồng đa số, tạo môi trường giao lưu chung giữa các cộng đồng trong cùng quốc gia. Một giáo viên (GV 02) cho biết:

Hiện nay có khá nhiều mục tiêu đặt ra cho hoạt động giảng dạy chương trình giáo dục song ngữ cho học sinh tiểu học người Khmer nhưng... tôi thiết nghĩ rằng dạy để các em phát triển được 04 kỹ năng tiếng Khmer và tiếng Việt và các em có thể vận dụng chúng trong sinh hoạt hằng ngày với cộng đồng người Khmer và cộng đồng các dân tộc ít người khác cùng trao đổi ngôn ngữ chung là tiếng Việt... thì đó mới là sự thành công và mục tiêu của chương trình này.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy có nhiều mục tiêu hiện nay đang đặt ra cho việc giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long nhưng các bên liên quan cần xem xét và xác định rõ những mục tiêu trọng tâm cần thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho học sinh ứng dụng vào cuộc sống đời thường ngay sau khi học. Vì thế, lãnh đạo và các nhà giáo dục có chuyên môn của 03 tỉnh cần chủ động xây dựng và thiết kế các chương trình giảng dạy gắn liền với nhu cầu thực tế kinh tế, xã hội, chính trị và tôn giáo của địa phương, gắn liền với đời sống của cộng đồng và học sinh tiểu học người Khmer.

Kết quả nghiên cứu về nội dung giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long

Kết quả Bảng 3 cho thấy giáo viên đánh giá chung về nội dung giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long ở mức 4 “đồng ý” trong thang đo Likert 5 mức độ với $\bar{X} = 3.99$ (ĐLC = 0.679). Theo đó, nội dung giảng dạy Ngữ âm và chữ viết tiếng Khmer – Việt được các giáo viên đánh giá cao nhất với giá trị trung bình $\bar{X} = 4.06$ (ĐLC = 0.668). Tiếp theo là những nội dung như các chữ số đếm với $\bar{X} = 4.04$ (ĐLC = 0.716), có 04 nội dung cùng giá trị trung bình với $\bar{X} = 4.01$ là

các từ thuần Khmer (ĐLC = 0.686), từ, câu, nội dung của đoạn văn, bài văn, khổ thơ, bài thơ (ĐLC = 0.686), từ ngữ, câu, đoạn và nội dung của các bài văn xuôi, văn vắn (ĐLC = 0.686) và các quy tắc viết chính tả đối với các từ biến giọng (ĐLC = 0.727). Cuối cùng là các nội dung của đoạn văn hoặc đoạn thơ để viết chính tả ($\bar{X} = 3.99$, ĐLC = 0.727), các từ ngữ có nguồn gốc từ tiếng Pali-Sanskrit thông dụng ($\bar{X} = 3.92$, ĐLC = 0.843) và các từ vay mượn tiếng Pali-Sanskrit khi nghe viết chính tả ($\bar{X} = 3.90$, ĐLC = 0.828).

Hầu như các thầy cô tham gia trả lời phỏng vấn đều nhận thấy nội dung chương trình giáo dục song ngữ bám sát vào nội dung theo quy định tùy trình độ học sinh gồm 04 mạch trong việc giảng dạy kiến thức tiếng (tiếng Khmer và tiếng Việt), từ vựng, ngữ pháp và tập làm văn. Một giáo viên (GV 03) cho biết:

Hiện nay chúng tôi đang giảng dạy theo các nội dung được thiết kế cho chương trình giáo dục song ngữ cho các em học sinh dân tộc Khmer. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy với thời lượng chỉ có 02 tiết trong 01 tuần thì việc giảng dạy và rèn luyện thường xuyên cho học sinh nắm và vận dụng cũng gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, việc làm sao giúp học sinh dân tộc Khmer phát triển thông thạo các kỹ năng trong chương trình song ngữ cũng cần thiết kể các nội dung gắn liền với nhu cầu thực tế với các ngôn từ gắn gũi cuộc sống các em.

Ngoài ra, một giáo viên khác (GV 01) cho biết thêm: Hiện nay cái khó khăn là chúng tôi chỉ giảng dạy theo các nội dung của các tài liệu được biên soạn trước đây nên đầu đó các nội dung chưa bám sát trong chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Khmer và chúng tôi nghĩ rằng cần nhanh chóng xuất bản và thống nhất sách giáo khoa cho việc giảng dạy môn học này đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy nội dung giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu tập trung vào việc thiết kế các nội dung phát triển ngôn ngữ tiếng Khmer và tiếng Việt như giảng dạy kiến thức tiếng, từ vựng, ngữ pháp và tập làm văn. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai các

Bảng 2: Kết quả giá trị $\bar{X}$ và ĐLC về mục tiêu giáo dục song ngữ [Nguồn: nhóm tác giả]

T.T	Nội dung	$\bar{X}$	ĐLC	Xếp hạng
1	Bảo tồn và phát triển vốn ngôn ngữ tiếng Khmer	4.06	0.827	3
2	Duy trì bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số Khmer	4.09	0.785	1
3	Nâng cao chất lượng học tập của học sinh dân tộc thiểu số Khmer	4.08	0.790	2
4	Hoàn thành mục tiêu giáo dục phổ cập quốc gia	4.06	0.827	3
5	Giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất: Yêu thiên nhiên, gia đình, nhà trường, quê hương đất nước	4.08	0.826	2
6	Thúc đẩy ngôn ngữ thiểu số trong một xã hội đa dạng về ngôn ngữ	4.09	0.770	1
7	Thúc đẩy cả ngôn ngữ đa số và ngôn ngữ thiểu số trong một xã hội đa dạng về ngôn ngữ	4.08	0.781	2
Chung		4.08	0.763	

Bảng 3: Kết quả giá trị $\bar{X}$ và ĐLC về nội dung giáo dục song ngữ [Nguồn: nhóm tác giả]

T.T	Nội dung	$\bar{X}$	ĐLC	Xếp hạng
1	Ngữ âm và chữ viết	4.06	0.668	1
2	Các chữ số đếm	4.04	0.716	2
3	Các từ thuần Khmer	4.01	0.686	3
4	Các từ ngữ có nguồn gốc từ tiếng Pali-Sanskrit thông dụng	3.92	0.843	5
5	Các từ vay mượn tiếng Pali-Sanskrit khi nghe viết chính tả	3.90	0.828	6
6	Từ, câu, nội dung của đoạn văn, bài văn, khổ thơ, bài thơ	4.01	0.686	3
7	Từ ngữ, câu, đoạn và nội dung của các bài văn xuôi, văn vần	4.01	0.686	3
8	Nội dung của đoạn văn hoặc đoạn thơ để viết chính tả	3.99	0.727	4
9	Các quy tắc viết chính tả đối với các từ biến giọng	4.01	0.727	3
Chung		3.99	0.679	

nội dung giảng dạy, hiện nay các nội dung đang giảng dạy của chương trình giáo dục song ngữ còn một số hạn chế, chưa bám sát vào chương trình giáo dục phổ thông 2018. Lý do là chưa có sách giáo khoa chính thức cho việc giảng dạy môn tiếng Khmer, giáo viên hiện nay vẫn sử dụng các tài liệu giảng dạy trước đây. Vì thế, các bên liên quan cần chú trọng việc thiết kế các nội dung chương trình nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong bối cảnh hiện nay.

Kết quả nghiên cứu về phương pháp giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long

Kết quả Bảng 4 cho thấy 139 giáo viên tham gia khảo sát đánh giá chung về phương pháp giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long ở mức 4 trong thang đo Likert 5 mức độ “thường xuyên” với

$\bar{X} = 3.68$ (ĐLC = 0.662). Trong đó, phương pháp rèn luyện theo mẫu được giáo viên đánh giá cao nhất với giá trị trung bình $\bar{X} = 3.84$ (ĐLC = 0.694). Tiếp theo là các phương pháp giáo dục song ngữ được đánh giá theo giá trị trung bình giảm dần như phương pháp kể chuyện dân gian ($\bar{X} = 3.78$, ĐLC = 0.713), phương pháp vay mượn ($\bar{X} = 3.70$, ĐLC = 0.777), phương pháp giao thoa ($\bar{X} = 3.66$, ĐLC = 0.687), phương pháp chuyển mã ($\bar{X} = 3.65$, ĐLC = 0.721), phương pháp sao phỏng ($\bar{X} = 3.63$, ĐLC = 0.783), phương pháp hòa mã, đan xen mã ($\bar{X} = 3.62$, ĐLC = 0.793) và phương pháp chuyển di ($\bar{X} = 3.61$, ĐLC = 0.737).

Để hiểu rõ hơn về việc áp dụng các phương pháp giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại 03 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn một số giáo viên. Kết quả một giáo viên (GV 01) cho biết:

Bảng 4: Kết quả giá trị $\bar{X}$ và ĐLC về phương pháp giáo dục song ngữ [Nguồn: nhóm tác giả]

TT	Nội dung	$\bar{X}$	ĐLC	Xếp hạng
1	Phương pháp chuyển mã	3.65	0.721	5
2	Phương pháp hòa mã, đan xen mã	3.62	0.793	7
3	Phương pháp vay mượn	3.70	0.777	3
4	Phương pháp sao phỏng	3.63	0.783	6
5	Phương pháp chuyển đi	3.61	0.737	8
6	Phương pháp giao thoa	3.66	0.687	4
7	Phương pháp kể chuyện dân gian	3.78	0.713	2
8	Rèn luyện theo mẫu	3.84	0.694	1
Trung		3.68	0.662	

Theo tôi, cần phải hiểu rõ phương pháp giáo dục và phương pháp giảng dạy; có thể thấy rằng phương pháp giáo dục mang hàm ý rộng và bao quát không chỉ trong việc giảng dạy trực tiếp trên lớp, và trong lớp của tôi để giảng dạy cho học sinh, chúng tôi phải sử dụng nhiều phương pháp giáo dục, không thể chỉ có một phương pháp giáo dục. Đặc biệt, các em lớp thấp như lớp 1, 2 thì cần áp dụng nhiều hơn vì các em tiếp xúc chưa nhiều ngôn ngữ song ngữ nên việc giải thích từ cũng rất khó khăn.

Bên cạnh đó, một giáo viên khác (GV 02) cho biết thêm:

Việc sử dụng đa dạng các phương pháp giáo dục là rất cần thiết vì không có phương pháp giáo dục nào là vạn năng, nhất là các em học song ngữ khi việc tiếp xúc ngôn ngữ đã số chưa nhiều nên cần phải giải thích bằng ngôn ngữ mẹ đẻ tiếng Khmer. Do đó, giáo viên cần linh hoạt sử dụng và sử dụng đa dạng các phương pháp.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy phương pháp giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay được sử dụng rất đa dạng và linh hoạt. Tùy theo ngữ cảnh, tình huống và nội dung cụ thể, giáo viên cần sử dụng các phương pháp giáo dục song ngữ cho tương thích và phù hợp, tránh sử dụng cứng nhắc để không mang lại kết quả học tập như mong đợi.

Kết quả nghiên cứu về hình thức đánh giá giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long

Kết quả Bảng 5 cho thấy giáo viên tham gia khảo sát đánh giá chung về hình thức đánh giá giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người

dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long ở mức 4 trong thang đo Likert 5 mức độ “thường xuyên” với $\bar{X} = 3.91$ (ĐLC = 0.537). Trong đó, đánh giá định kỳ cuối học kỳ được giáo viên đánh giá cao nhất với giá trị trung bình $\bar{X} = 4.01$ (ĐLC = 0.648). Tiếp theo là các hình thức như đánh giá thường xuyên trong các hoạt động trên lớp ($\bar{X} = 3.99$, ĐLC = 0.564), giáo viên đánh giá học sinh ($\bar{X} = 3.96$, ĐLC = 0.582), đánh giá thường xuyên trong từng bài học ($\bar{X} = 3.91$, ĐLC = 0.608), đánh giá thông qua quan sát và đánh giá thông qua lắng nghe, chia sẻ của học sinh có cùng giá trị trung bình với $\bar{X} = 3.96$ (ĐLC lần lượt là 0.595 và 0.607), đánh giá thông qua ghi chép việc học tập hằng ngày ($\bar{X} = 3.87$, ĐLC = 0.612), học sinh đánh giá lẫn nhau ($\bar{X} = 3.84$, ĐLC = 0.581) và học sinh tự đánh giá ($\bar{X} = 3.83$, ĐLC = 0.621).

Kết quả phỏng vấn giáo viên cho thấy rằng, mặc dù chương trình Giáo dục phổ thông 2018 quy định hai hình thức đánh giá là đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, song trên thực tế, giáo viên chủ yếu linh hoạt vận dụng các hình thức đánh giá thường xuyên. Với hình thức này, giáo viên chủ động thiết kế nhiều công cụ và phương thức đánh giá khác nhau, phù hợp với từng bài học và từng nội dung cụ thể, nhằm theo dõi sát tiến trình học tập của học sinh và điều chỉnh hoạt động dạy học kịp thời... Một giáo viên (GV 03) cho biết:

Hiện nay trong chương trình giáo dục song ngữ thì chúng tôi được chủ động trong việc đa dạng hóa hình thức đánh giá thường xuyên cho từng nội dung bài học, tiết học... tuy nhiên, việc đánh giá theo những hình thức nào đi chăng nữa... thì chúng tôi phải được tổ chuyên môn thông qua để đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ chương trình giáo dục song ngữ... và bảo đảm đánh giá công bằng cho tất cả các em học sinh trong nhà trường.

Bảng 5: Kết quả giá trị $\bar{X}$ và DLC về hình thức đánh giá giáo dục song ngữ [Nguồn: nhóm tác giả]

TT	Nội dung	$\bar{X}$	DLC	Xếp hạng
1	Đánh giá thường xuyên trong các hoạt động trên lớp	3.99	0.564	2
2	Đánh giá thường xuyên trong từng bài học	3.91	0.608	4
3	Giáo viên đánh giá học sinh	3.96	0.582	3
4	Học sinh đánh giá lẫn nhau	3.84	0.581	7
5	Học sinh tự đánh giá	3.83	0.621	8
6	Đánh giá thông qua quan sát	3.88	0.595	5
7	Đánh giá thông qua lắng nghe, chia sẻ của học sinh	3.88	0.607	5
8	Đánh giá thông qua ghi chép việc học tập hằng ngày	3.87	0.612	6
9	Đánh giá định kỳ cuối học kỳ	4.01	0.648	1
Chung		3.91	0.537	

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy giáo viên hiện nay được chủ động với các hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh trong chương trình giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long, với hình thức đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập của học sinh. Tuy nhiên, giáo viên cần linh hoạt và chủ động lựa chọn các hình thức đánh giá với các nội dung bài tương ứng hay các buổi học, tránh việc chỉ sử dụng duy nhất hình thức đánh giá mà giáo viên có lợi thế sẽ ảnh hưởng đến việc đánh giá chưa thật chính xác, kịp thời và khoa học.

KẾT LUẬN

Giáo dục song ngữ là mô hình giáo dục được áp dụng rất phổ biến tại các quốc gia đa ngôn ngữ và đa dân tộc trên thế giới. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc nên việc áp dụng mô hình này trong việc giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số nói chung và dân tộc Khmer nói riêng là hoàn toàn phù hợp. Nghiên cứu đã áp dụng Mô hình giáo dục song ngữ hai chiều (người giảng dạy sẽ sử dụng hai ngôn ngữ [ngôn ngữ thiểu số và ngôn ngữ đa số] làm phương tiện truyền tải kiến thức đến người học thông qua phương pháp giảng dạy tích hợp ngôn ngữ của cả học sinh nói ngôn ngữ thiểu số và ngôn ngữ đa số) để đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại 03 tỉnh An Giang, Trà Vinh và Sóc Trăng của Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả nghiên cứu đã đi vào phân tích các kết quả thành tố về như mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá giáo dục song ngữ tiếng Khmer – Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại 03 tỉnh. 04 thành tố này đã được 139 giáo viên tham gia khảo sát đánh giá ở mức 4 tương đương “đồng

ý” (cho thành tố mục tiêu và nội dung) và “thường xuyên” (cho thành tố phương pháp và hình thức đánh giá). Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra những khoảng trống cần được các bên liên quan quan tâm trong quá trình hoạch định chủ trương, chính sách và kế hoạch triển khai giáo dục song ngữ. Cụ thể, cần xác định rõ các mục tiêu trọng tâm và lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp với nhu cầu học tập cũng như đời sống văn hóa – xã hội của cộng đồng người Khmer trong và ngoài nhà trường. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa phương pháp giáo dục là cần thiết nhằm phát huy tối đa năng lực của từng học sinh tiểu học người Khmer. Đồng thời, giáo viên cần vận dụng linh hoạt các hình thức đánh giá để bảo đảm tính chính xác, kịp thời và phù hợp với quá trình học tập của học sinh, qua đó góp phần duy trì sự công bằng và thống nhất trong toàn bộ hệ thống giáo dục của nhà trường.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số B2024-18b-03.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

GV: Giáo viên
SPSS: Statistical Package for the Social Sciences
DLC: Độ lệch chuẩn

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bài viết không có xung đột lợi ích.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Dương Minh Quang hình thành, khái niệm hóa nghiên cứu và viết bản thảo bài viết. Lý Bình Nhung và Tạ Thị Thanh Thủy thu thập dữ liệu nghiên cứu.

Bạch Thị Ngọc Dung phân tích dữ liệu thu thập. Tất cả các tác giả đã xem xét và phê duyệt bản thảo cuối cùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bialystok E. Bilingual education for young children: review of the effects and consequences. *International Journal of Bilingual Education and Bilingualism*. 2018;21(6):666–79. Available from: <https://doi.org/10.1080/13670050.2016.1203859>.
2. Ansaldi AI, Marcotte K, Scherer L, Raboyeau G. Language therapy and bilingual aphasia: clinical Implications of psycholinguistic and neuroimaging research. *Journal of Neurolinguistics*. 2018;21(6):539–57. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jneuroling.2008.02.001>.
3. Bộ Giáo dục và đào tạo. Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn học Tiếng Bahnar, Tiếng Chăm, Tiếng Êđê, Tiếng Jrai, Tiếng Khmer, Tiếng Mông, Tiếng Mnông, Tiếng Thái. Hà Nội; 2020.
4. Lan TTM, Nga NT. Giáo dục song ngữ: Lựa chọn mô hình của các nước Châu Á. *HNUE Journal of Science*. 2019;64(7):3–11.
5. Paulston CB. . *Bilingual education: Theories and issues*. Rowley: Newbury House; 1980.
6. Baker C. *Founditions of bilingual education and bilingualism*. Bristol: Multilingual Matters Ltd; 2006.
7. Bình HH. Về hiện trạng dạy chữ Khmer cho học sinh phổ thông và chương trình môn tiếng Khmer ở tiểu học và trung học cơ sở. *Tạp chí Giáo dục* . 2007;147(1):12–15.

The Current Status of Khmer-Vietnamese Bilingual Education for Khmer Primary School Students in the Mekong Delta

Duong Minh Quang*, Bach Thi Ngoc Dung, Ly Binh Nhung, Ta Thi Thanh Thuy



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Vietnam is a country characterized by the profound linguistic and ethnic diversity, providing a favorable foundation for the implementation of bilingual education models aligned with international trends that promote equity, integration, and sustainable educational development. In this context, the study examines the current status of Khmer–Vietnamese bilingual education for Khmer primary school students across three provinces in the Mekong Delta region. A mixed-methods research design was employed, combining the survey data from 139 teachers directly involved in bilingual instruction with in-depth interviews conducted with three experienced teachers to enrich the qualitative understanding of implementation practices. The analysis reveals that all key components of bilingual education achieved an average score of approximately 4.0 on a five-point Likert scale, indicating a high level of agreement and generally positive evaluations from the teaching workforce. Specifically, the goals and content of the program were rated at the “agree” level, reflecting the considerable consensus regarding the orientation and pedagogical significance of bilingual education for Khmer students. Meanwhile, the instructional methods and assessment practices were reported at the “frequent” level, suggesting that teachers consistently employ teaching and evaluation activities aligned with the requirements of the bilingual model. Based on these findings, the study proposes several recommendations to enhance the effectiveness of program implementation. These include strengthening teacher professional development, developing culturally and linguistically responsive learning materials, fostering stronger collaboration among schools, families, and communities, and establishing continuous monitoring and support mechanisms to ensure the long-term sustainability of Khmer–Vietnamese bilingual education at the local level.

Key words: bilingual education, Khmer-Vietnamese, ethnic minority students, primary education

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Duong Minh Quang, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email:
duongminhquang@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 09-05-2025
- Revised: 02-12-2025
- Accepted: 25-05-2026
- Published Online: 24-09-2026

DOI : <https://www.doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1184>



Copyright

© VNUHCM Journal . This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Cite this article : Quang D M, Dung B T N, Nhung L B, Thuy T T T. **The Current Status of Khmer-Vietnamese Bilingual Education for Khmer Primary School Students in the Mekong Delta.** VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit. 2026;10(3):3917-3925.